

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3002/BC-SXD

Kiên Giang, ngày 09 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

**Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại,
tổ cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022
và phương hướng nhiệm vụ kỳ tiếp theo**

Kính gửi:

- Thanh tra Chính phủ;
- Thanh tra Bộ Xây dựng;
- Thanh tra tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng;

Căn cứ Quyết định 156/QĐ-SXD ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng Kiên Giang về phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Kiên Giang; Quyết định số 75/QĐ-SXD ngày 16/6/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022 lần 1; Quyết định số 137/QĐ-SXD ngày 21/09/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022 lần 2;

Sở Xây dựng Kiên Giang báo cáo kết quả công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ kỳ tiếp theo, cụ thể:

A. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA NĂM 2022

Căn cứ Quyết định 156/QĐ-SXD ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng Kiên Giang về phê duyệt Kế hoạch công tác thanh tra năm 2022; Quyết định số 75/QĐ-SXD ngày 16/6/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022 lần 1; Quyết định số 137/QĐ-SXD ngày 21/09/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022 lần 2. Trong năm 2022 thực hiện 01 cuộc¹ thanh tra hành chính tại cơ quan Sở Xây dựng, 01 cuộc² thanh tra hành chính về đầu tư xây dựng cơ bản, 01 cuộc kiểm tra³ chuyên ngành, cụ thể:

¹ Thanh tra trách nhiệm của lãnh đạo Trung tâm kiểm định và Dịch vụ xây dựng – Sở Xây dựng trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao gắn với việc thực hiện pháp luật phòng, chống tham nhũng (dự kiến Quý I/2022).

² Thanh tra về công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện An Biên (dự kiến Quý I/2022).

³ Quyết định số 128/QĐ-SXD ngày 06/9/2022 thành lập đoàn kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra hành chính (số liệu tại các biểu số: 01/TTr, 02/TTr, 03/TTr, 02/QLNN)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc triển khai thực hiện trong kỳ: 02 cuộc⁴ theo kế hoạch, số cuộc triển khai từ các năm trước chuyển sang: 01 cuộc⁵, số cuộc đột xuất: 0 cuộc.

b) Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

- Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 03 cuộc (trong đó: trong kỳ 02 cuộc⁶; 01 cuộc⁷ năm trước chuyển sang).

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 03 đơn vị.

- Phát hiện vi phạm:

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, thuộc lĩnh vực; số tiền, đất, tài sản quy thành tiền được phát hiện có vi phạm:

+ Kiến nghị xử lý vi phạm:

+ Xử lý về kinh tế: Thu hồi về ngân sách nhà nước và xử lý khác về kinh tế: Qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi 260.619.550 đồng sai phạm (15 quyết định) do đã thanh toán và quyết toán giá trị thừa cho các nhà thầu.

+ Xử lý trách nhiệm: Xử lý hành chính (số tổ chức, cá nhân kết luận kiến nghị kiểm điểm làm rõ trách nhiệm): Kiểm điểm rút kinh nghiệm 05 tổ chức và 05 cá nhân, kiến nghị xử lý hình sự (số vụ, số đối tượng chuyển cơ quan điều tra): Không có.

- Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: không.

- Kiến nghị khác (nếu có): không.

c) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)

- Số kết luận thanh tra phải thực hiện trong kỳ báo cáo, tổng số: 03 kết luận; số kết luận được kiểm tra trực tiếp: không có.

- Tiến độ thực hiện kết luận: số kết luận đã hoàn thành: 03 kết luận, số kết luận chưa hoàn thành việc thực hiện: 0 kết luận.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị:

+ Về kinh tế: Qua thanh tra đã kiến nghị thu hồi 260.619.550 đồng sai phạm (15 quyết định) do đã thanh toán và quyết toán giá trị thừa cho các nhà thầu. Đã đôn đốc nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước 15 quyết định với số tiền 260.619.550 đồng (đạt 100%).

⁴ Thanh tra trách nhiệm của lãnh đạo Trung tâm kiểm định và Dịch vụ xây dựng – Sở Xây dựng; Thanh tra về công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện An Biên.

⁵ Đoàn thanh tra về công tác thực hiện theo quy hoạch, quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Châu Thành.

⁶ Đoàn thanh tra Trung tâm Kiểm định và Dịch vụ Xây dựng – Sở Xây dựng; Thanh tra về công tác quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện An Biên.

⁷ Thanh tra về công tác thực hiện theo quy hoạch, quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện Châu Thành.

+ Về trách nhiệm (xử lý hành chính): đã kiểm điểm rút kinh nghiệm 05 tổ chức và 05 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra: không.

+ Về hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: không.

d) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)

- Việc triển khai các cuộc thanh tra: Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra: 01 cuộc; số cuộc đã ban hành kết luận: 01 cuộc.

- Kết quả thanh tra, kiểm tra:

+ Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra: 01 đơn vị.

+ Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra

+ Kiến nghị xử lý hành chính, chuyển cơ quan điều tra; kiến nghị xử lý về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): Không có.

- Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra:

+ Tổng số kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm phải thực hiện: Không có.

+ Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm (hành chính, hình sự); về kinh tế, hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): không.

đ) Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực

- Lĩnh vực quản lý, thực hiện dự án đầu tư xây dựng (Biểu số 03/TTr): Trong kỳ triển khai thực hiện 01 cuộc⁸, năm trước chuyển sang 01 cuộc⁹.

- Lĩnh vực Quản lý và sử dụng tài chính, ngân sách (Biểu số 04/TTr); không có.

- Lĩnh vực Quản lý, sử dụng đất (Biểu số 05/TTr): không có.

- Lĩnh vực khác (nếu cần thiết): không có..

- Kết quả thanh tra lại (nếu có): không có.

- Kết quả thanh tra chuyên đề (nếu có): không có.

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (Biểu số 06/TTr, 07/TTr)

a) Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện (số cuộc triển khai từ kỳ trước chuyển sang: 0 cuộc, số cuộc triển khai trong kỳ: 01 cuộc, số cuộc thường xuyên: 0 cuộc, theo kế hoạch: 01 cuộc, đột xuất: 0 cuộc).

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: Kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Phú Quốc.

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 01 (báo cáo kết quả kiểm tra).

⁸ Thanh tra về công tác thực hiện theo quy hoạch, quản lý dự án, quản lý chất lượng công trình và nghiệm thu, thanh quyết toán công trình đối với chủ đầu tư các dự án được đầu tư xây dựng trên địa bàn huyện An Biên.

⁹ Đoàn thanh tra Châu Thành.

- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra: Kiểm tra 13 công trình riêng lẻ và 01 dự án (03 CT), phát hiện 12 trường hợp (11 cá nhân, 01 tổ chức) vi phạm trật tự xây dựng, chủ yếu là xây dựng không phép, sai phép và xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất (đã đề nghị địa phương xử lý theo quy định).

* Ngoài ra, trong kỳ còn thực hiện một số công việc khác, cụ thể:

- Trong kỳ thực hiện xử lý Kết luận thanh tra số 06/KL-SKHĐT ngày 17/12/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 142/SKHĐT-TT ngày 09/02/2022) (đã tham mưu Văn bản số 524/SXD-TTra ngày 24/3/2022 thông báo kết quả xử lý cho Sở Kế hoạch và đầu tư).

- Thực hiện kiểm tra một số nội dung theo Công văn số 21/CPN-CV ngày 13/01/2022 của Cục Công tác phía Nam - Bộ Xây dựng (đã tiến hành kiểm tra và xử lý vi phạm trật tự xây dựng theo quy định, tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 906/QĐ-XPHC ngày 04/4/2022); đồng thời làm việc với Công ty TNHH Mặt Trời Phú Quốc theo Phiếu chuyển số 598/TTr-TTrXD3 ngày 24/8/2022 về việc phản ánh các sai phạm của Chủ đầu tư dự án Sun Grand City Hill Side Recedence Phú Quốc (đã báo cáo kết quả xử lý cho Thanh tra Bộ Xây dựng¹⁰).

- Tiếp tục thực hiện Quyết định cưỡng chế số 1391/QĐ-CCXP ngày 11/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đối với Công ty TNHH Đồi Lang – Phú Quốc¹¹ và việc xử lý công trình xây dựng khách sạn vi phạm tại ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc (ban hành Công văn số 1296/SXD-TTr ngày 24/6/2022, Công văn số 1625/SXD-TTr ngày 22/7/2022 về việc đôn đốc (lần 02) việc xử lý công trình xây dựng khách sạn vi phạm tại ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, Báo cáo số 1658/BC-SXD ngày 28/7/2022; Báo cáo số 2065/BC-SXD ngày 13/9/2022; tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch cưỡng chế và thành lập tổ cưỡng chế tiến hành cưỡng chế theo quy định).

- Theo dõi việc đôn đốc xử lý công trình xây dựng khách sạn vi phạm tại ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc (ban hành Công văn số 1296/SXD-TTr ngày 24/6/2022, Công văn số 1625/SXD-TTr ngày 22/7/2022 về việc đôn đốc (lần 02) việc xử lý công trình xây dựng khách sạn vi phạm tại ấp Cửa Lấp, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc; Báo cáo số 1658/BC-SXD ngày 28/7/2022; Báo cáo số 2065/BC-SXD ngày 13/9/2022).

- Phối hợp với UBND huyện Kiên Lương về việc kiểm tra công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn theo Thông báo số 1567/TB-SXD ngày 19/7/2022 của Sở Xây dựng.

- Báo cáo Thanh tra Bộ Xây dựng về việc thực hiện thanh tra 02 chuyên đề thực hiện việc dành quỹ đất để đầu tư, phát triển nhà ở xã hội tại các dự án trên địa bàn tỉnh; công tác quản lý, sử dụng kinh phí bảo trì phần sở hữu chung nhà chung cư trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo Công văn số 580/TTr-TH ngày 22/11/2021 của Thanh tra Bộ Xây dựng về việc định hướng kế hoạch thanh tra chuyên ngành năm 2022 và Công văn số 1309/VP-KT ngày 24/02/2022 của Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang về việc tăng cường kiểm tra, giám sát về quản lý, sử dụng nhà ở xã

¹⁰ Văn bản số 2802/SXD-TTr ngày 21/11/2022.

¹¹ Báo cáo số 2027/BC-SXD ngày 07/9/2022.

hội; làm việc với Đoàn kiểm tra theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và đoàn kiểm tra công tác pháp chế.

- Tham mưu xây dựng quyết định¹² phân cấp thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ thông báo khởi công xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh; tham mưu Chỉ thị¹³ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về quy hoạch xây dựng, trật tự xây dựng và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Tổ chức Hội nghị¹⁴ triển khai Nghị định 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng và một số văn bản khác có liên quan đến công tác xử lý vi phạm hành chính với hơn 200 cán bộ, công chức, viên chức tham gia quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh tham dự (Chia làm 03 đợt triển khai).

- Ban hành các văn bản hướng dẫn các địa phương trong công tác xử lý vi phạm trật tự xây dựng¹⁵. Tham gia góp ý các văn bản do các cơ quan, ban, ngành khác soạn thảo¹⁶. Xây dựng cụ thể hóa các kế hoạch về theo dõi tình hình thi hành pháp luật¹⁷, đồng thời triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra đảm bảo về nội dung và hình thức.

- Cử báo cáo viên tập huấn chuyên sâu về kỹ năng xử lý vi phạm hành chính tại các huyện, thành phố: Kiên Hải, Giang Thành, Phú Quốc, Rạch Giá.

b) Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số tổ chức, cá nhân vi phạm: 11 cá nhân, 01 tổ chức.

- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra:

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm; số tiền kiến nghị thu hồi (về ngân sách nhà nước, về tổ chức, đơn vị); số tiền kiến nghị xử lý khác: Đã đề nghị địa phương xử lý.

+ Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành (đối với tổ chức, cá nhân) qua các cuộc thanh tra, kiểm tra; xử phạt bằng hình khác (số tổ chức, cá nhân): Đề nghị địa phương (UBND phường Dương Đông xử lý theo quy định; chuyển cơ quan điều tra xử lý (số vụ, số đối tượng): không.

Ngoài ra, qua kiểm tra thường xuyên phát hiện vi phạm đã ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 40.000.000 đồng (*ban hành trong tháng 12/2021*). Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 906/QĐ-XPHC ngày 04/4/2022 với số tiền 560.000.000 đồng, đã đôn đốc nộp đầy đủ vào ngân sách nhà nước).

c) Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

¹² Tờ trình số 344/TTr-SXD ngày 03/03/2022.

¹³ Tờ trình số 2870/TTr-SXD ngày 25/11/2022.

¹⁴ Giấy mời số 768/GM-SXD ngày 20/4/2022.

¹⁵ Công văn số 1393/SXD-TTr ngày 05/7/2022; Công văn số 1718/SXD-TTr ngày 03/8/2022;

¹⁶ Công văn số 1738/SXD-TTr ngày 05/8/2022 về góp ý đối với Dự thảo Quyết định về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành; Công văn số 1890/SXD-TTr ngày 23/8/2022 đóng góp đối với Dự thảo Thông tư quy định xét tặng Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Thanh tra"; Công văn số 1419/SXD-TTr ngày 07/7/2022 về đóng góp đối với dự thảo kế hoạch tổng kết 10 năm thi hành Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và đề cương báo cáo; Công văn số 2042/SXD-TTr ngày 09/9/2022.

¹⁷ Kế hoạch số 2855/KH-SXD ngày 31/12/2021 về việc kiểm tra xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2022; Kế hoạch số 226/KH-SXD ngày 14/02/2022 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực ngành xây dựng năm 2022; Kế hoạch số 343/KH-SXD ngày 03/03/2022 về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính thuộc lĩnh vực ngành xây dựng năm 2022; Kế hoạch số 376A/KH-SXD ngày 04/3/2022 về triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong lĩnh vực ngành xây dựng năm 2022; Kế hoạch số 957/KH-SXD ngày 13/5/2022 về công tác tư pháp năm 2022.

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (số tiền vi phạm đã thu hồi; số tiền vi phạm đã xử lý khác): không.

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: đã nộp đủ vào ngân sách nhà nước 608.120.000 đồng (trong đó có 8.120.000 đồng phạt chậm nộp); số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác: không.

- Xử lý hình sự: 0 vụ, số đối tượng đã khởi tố: không.

3. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)

- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng mới được ban hành: 05 văn bản¹⁸, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không có.

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng được tổ chức; tổng số người tham gia: Không có.

4. Xây dựng lực lượng (Biểu số 01/QLNN)

- Tổng số công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo: 06 (số thanh tra viên cao cấp: 0, thanh tra viên chính: 02, thanh tra viên: 04);

- Biến động tăng, giảm số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ báo cáo: Trong năm 2022 giảm 02 Thanh tra viên (đến thời điểm tháng 9/2022 có 02 thanh tra viên chính và 02 thanh tra viên).

- Số người được chuyển đổi vị trí công tác: 02 Thanh tra viên.

- Tổng số nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngành Thanh tra và số đã thực hiện (trong đó phân loại các khóa đào tạo nghiệp vụ: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, thanh tra viên cao cấp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và các nghiệp vụ liên quan khác): Trong kỳ không có cán bộ, thanh tra viên tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thanh tra.

- Số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động có vi phạm và kết quả xử lý (tổng số cá nhân vi phạm, đã xử lý, đang và chưa xử lý): Không có.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá về ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch công tác thanh tra (về mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra; về thanh tra đột xuất, thanh tra lại, thanh tra chuyên đề; về công tác đôn đốc, xử lý sau thanh tra và những nội dung khác có liên quan):

Hàng năm, Sở Xây dựng tiến hành khảo sát để xây dựng kế hoạch thanh tra đúng theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23/4/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương trình thanh tra, kế hoạch thanh tra và tổ chức triển khai thực hiện đúng theo kế hoạch đề ra; đồng thời thường xuyên đôn đốc việc thực hiện kết luận sau thanh tra đúng theo Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ quy định việc thực

¹⁸ Kế hoạch số 225/KH-SXD ngày 14/02/2022 về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022; Kế hoạch số 595/KH-SXD ngày 30/3/2022 về chuyển đổi vị trí công tác năm 2022; Kế hoạch số 592/KH-SXD ngày 29/3/2022 về phát động phong trào thi đua trong công tác nội chính và PCTN; Kế hoạch bổ sung nhiệm vụ phòng chống tham nhũng, tiêu cực; Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Sở Xây dựng.

hiện kết luận thanh tra. Tuy nhiên, trong quá trình đôn đốc, xử lý sau thanh tra, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn trong việc quản lý về thời gian, thời hạn, thời hiệu thực hiện kết luận thanh tra, một số đơn vị còn chậm trong triển khai thực hiện kết luận và báo cáo kết quả thực hiện kết luận thanh tra.

2. Đánh giá ưu điểm, tồn tại, hạn chế, khuyết điểm trong việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng

- Việc rà soát, chỉnh sửa, bãi bỏ, ban hành mới văn bản phục vụ công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng:

Thường xuyên rà soát, cập nhật văn bản pháp luật mới về công tác thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng để kịp thời chỉnh sửa, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Công tác tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng;

Sở Xây dựng chỉ phân công cán bộ kiêm nhiệm công tác pháp chế nên cũng còn khó khăn trong việc tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, chỉ cử cán bộ tham gia các buổi tuyên truyền, hướng dẫn, tập huấn của cơ quan cấp trên khi có nhu cầu.

- Tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng;

Tổ chức thực hiện đầy đủ theo chương trình, kế hoạch thanh tra đã đề ra, tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn hạn chế như: còn lúng túng trong thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành thay thế các văn bản cũ.

- Công tác tổ chức xây dựng lực lượng: Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, đội ngũ cán bộ, người lao động trong cơ quan thanh tra; hợp tác quốc tế về công tác thanh tra (nếu có):

Tăng cường, củng cố bộ máy Thanh tra Sở đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các nhiệm vụ về chuyên ngành xây dựng, tuy nhiên hiện tại lực lượng thanh tra Sở còn rất ít, địa bàn xây dựng rộng, lực lượng được giao nhiệm vụ kiểm tra về trật tự xây dựng còn hạn chế, một số cán bộ phải tham gia trưng dụng theo các Đoàn thanh tra của các cơ quan, ban, ngành khác tổ chức nên còn khó khăn trong việc thành lập, triển khai thực hiện các đoàn thanh tra.

- Thực hiện chế độ thông tin báo cáo phục vụ quản lý, chỉ đạo, điều hành.

Luôn thực hiện chế độ báo cáo thống kê định kỳ và đột xuất đảm bảo đúng theo quy định, tuy nhiên, công tác báo cáo, thống kê tình hình quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn các huyện, thành phố tuy có quan tâm thực hiện nhưng tiến độ báo cáo vẫn còn chậm, số liệu tổng hợp còn chưa chính xác.

3. Đánh giá vai trò của cơ quan thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra

Luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật về thanh tra trong việc phát hiện, xử lý vi phạm pháp luật, tiêu cực, tham nhũng và góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội và việc chấp hành chính sách, pháp luật, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước của cơ quan, tổ chức, cá nhân được thanh tra.

4. Nguyên nhân của những ưu điểm, của tồn tại, hạn chế, khuyết điểm

* Nguyên nhân chủ quan

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về xây dựng cho người dân hiểu tuy có quan tâm rất nhiều so với trước đây nhưng vẫn còn chưa thường xuyên, từ đó một số tổ chức, cá nhân chưa nắm bắt được các quy định của pháp luật về xây dựng để xây ra một số vi phạm về trật tự xây dựng.

- Địa bàn xây dựng rộng, lực lượng được giao nhiệm vụ kiểm tra về trật tự xây dựng còn hạn chế, một số cán bộ phải tham gia trung dụng theo các Đoàn thanh tra của các cơ quan, ban, ngành khác tổ chức nên còn khó khăn trong việc thành lập các đoàn thanh tra. Cán bộ quản lý về chuyên ngành xây dựng ở một số địa phương còn thiếu, chủ yếu công chức kiêm nhiệm nhiều công việc khác.

* Nguyên nhân khách quan

- Một số địa phương chưa đề cao vai trò, trách nhiệm, thiếu quan tâm về công tác quản lý trật tự xây dựng, có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm, chưa cương quyết, chỉ đạo xử lý chưa kịp thời các hành vi vi phạm trật tự xây dựng.

- Do tình hình đầu tư và tốc độ xây dựng trên địa bàn tỉnh tăng nhanh, bên cạnh đó, lực lượng được giao nhiệm vụ kiểm tra về trật tự xây dựng còn hạn chế, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền địa phương, ấp, xã, các phòng, ban và lực lượng có thẩm quyền kiểm tra về trật tự xây dựng, vì vậy công tác kiểm tra và xử lý về trật tự xây dựng chưa được kịp thời, xử lý chưa nghiêm khi có vi phạm hành chính về trật tự xây dựng xảy ra.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật một số nơi chưa thực sự thường xuyên, sâu sát.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG KỲ TIẾP THEO

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thanh tra năm 2022 đã được phê duyệt theo Quyết định số 156/QĐ-SXD ngày 03/12/2021 và Quyết định số 137/QĐ-SXD ngày 21/09/2022 của Giám đốc Sở Xây dựng về điều chỉnh kế hoạch thanh tra năm 2022 lần 2.

- Triển khai thực hiện kế hoạch thanh tra năm 2023 được phê duyệt.

- Tiếp tục tăng cường, củng cố bộ máy Thanh tra Sở đảm bảo đủ điều kiện thực hiện các nhiệm vụ về chuyên ngành xây dựng.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Thường xuyên có kế hoạch tập huấn, tuyên truyền các văn bản pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân để nâng cao nhận thức về ý nghĩa và vai trò đối với công tác thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các cơ quan, ban, ngành và tại địa phương.

B. CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

Nhìn chung, tình hình khiếu nại, tố cáo của công dân thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành xây dựng trong kỳ báo cáo ít, đơn giản, không phức tạp, không tăng so với cùng kỳ, chủ yếu là các đơn không thuộc thẩm quyền nhận gián tiếp qua đường bưu điện, đã chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc thực hiện lưu đơn đối với các đơn không đủ điều kiện xử lý, không có phát sinh tố cáo và khiếu kiện đông người.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỔ CÁO

1. Công tác tiếp công dân (Biểu số 01/TCD, 02/TCD)

a) Kết quả tiếp công dân

Tổng số lượt tiếp: 03 lượt, số người được tiếp: 03 người; số vụ việc (tiếp lần đầu: 03 vụ, tiếp nhiều lần: không có); số đoàn đông người được tiếp: không có (số đoàn, số người, tiếp lần đầu, tiếp nhiều lần),... của thủ trưởng (trực tiếp và ủy quyền): không có; của cơ quan, đơn vị tiếp công dân: không có.

b) Phân loại đơn, vụ việc qua tiếp công dân

- Phân loại theo nội dung (tổng số đơn: 01 đơn phản ánh, số vụ việc: 0 vụ):

+ Khiếu nại;

+ Tố cáo;

+ Phản ánh, kiến nghị: 01 đơn phản ánh.

- Phân loại theo thẩm quyền giải quyết:

+ Thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 01 đơn¹⁹ (phản ánh).

+ Không thuộc thẩm quyền (số đơn, số vụ việc): 0 vụ.

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn (Biểu số 01/XLD, 02/XLD, 03/XLD, 04/XLD)

Gồm đơn nhận được qua tiếp công dân và đơn nhận từ các nguồn khác (người viết đơn gửi qua dịch vụ bưu chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân chuyển đến theo quy định, ...)

a) Tổng số đơn: Kỳ trước chuyển sang: không, tiếp nhận trong kỳ: 62 đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh không thuộc thẩm quyền gửi gián tiếp qua đường bưu điện (trong phần nơi gửi các cá nhân khiếu nại, tố cáo, phản ánh đã có gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết) và 01 đơn phản ánh thuộc thẩm quyền nhận tại bộ phận tiếp công dân Sở. Đã thực hiện lưu 62 đơn không thuộc thẩm quyền (trong đó: 40 đơn khiếu nại, 02 đơn tố cáo, 20 đơn phản ánh), đang thực hiện trả lời 01 đơn phản ánh thuộc thẩm quyền²⁰.

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 63/63.

¹⁹Vụ bà Trần Thị Hiền, địa chỉ 819, Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, Rạch Giá, Kiên Giang, đề nghị kiểm tra chất lượng việc lắp dựng trụ quảng cáo.

²⁰ Đơn bà Trần Thị Hiền.

- Số đơn, số vụ việc, đủ điều kiện xử lý: 01 đơn phản ánh (đơn của bà Trần Thị Hiền).

b) Phân loại, xử lý đơn

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn, số vụ việc khiếu nại: 40 đơn (không thuộc thẩm quyền).

+ Số đơn, số vụ việc tố cáo: 02 đơn (không thuộc thẩm quyền).

+ Số đơn, số vụ việc kiến nghị, phản ánh: 21 đơn (20 đơn không thuộc thẩm quyền, 01 đơn thuộc thẩm quyền).

- Phân loại theo tình trạng giải quyết

+ Số đơn, số vụ việc đã giải quyết: 0 đơn.

+ Số đơn, số vụ việc đang giải quyết: 0 đơn, 0 vụ việc.

+ Số đơn, số vụ việc chưa giải quyết: 63 đơn, 0 vụ việc.

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn, số vụ việc thuộc thẩm quyền: 01 đơn, 0 vụ việc.

- Số đơn, số vụ việc không thuộc thẩm quyền: 62 đơn.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ, 03/KQGQ, 04/KQGQ)

Tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) đã giải quyết 0/0 tổng số đơn, số vụ việc (khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh) phải giải quyết; đạt tỷ lệ 0%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại (Biểu số 01/KQGQ, 02/KQGQ)

- Tổng số đơn đã giải quyết 0 đơn/0 đơn phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết.

- Tổng hợp quyết định giải quyết khiếu nại đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, chuyển cơ quan điều tra...: Không có.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc khiếu nại lần đầu, lần 2, việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại: Không có.

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: số quyết định phải thực hiện: Không có; số quyết định đã thực hiện xong: Không có; qua thực hiện đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân: Không có; số người đã bị xử lý trách nhiệm, đã khởi tố: Không có.

b) Kết quả giải quyết tố cáo (03/KQGQ, 04/KQGQ)

- Tổng số đơn, số vụ việc đã giải quyết/tổng số đơn, số vụ việc phải giải quyết; tỷ lệ giải quyết: Không có.

- Tổng hợp kết luận nội dung tố cáo đã thu hồi cho Nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân, kiến nghị xử lý trách nhiệm, ...: Không có

- Phân tích kết quả giải quyết đối với các vụ việc tố cáo lần đầu, tố cáo tiếp, việc chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo: Không có.

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: số kết luận phải thực hiện, số kết luận đã thực hiện xong; số tiền, đất đã thu hồi cho nhà nước, trả lại cho tập thể cá nhân; số người đã bị xử lý trách nhiệm, ...: Không có.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh (nếu có)

Tổng số vụ việc 0 vụ/0 nội dung kiến nghị, phản ánh số vụ việc 01 vụ/01 nội dung đã giải quyết;

Ngoài ra, tham mưu báo cáo việc giải quyết đơn kiến nghị của các hộ dân theo chỉ đạo của Thanh tra Bộ Xây dựng.

4. Bảo vệ người tố cáo (nếu có)

Tổng số người được bảo vệ (người tố cáo, thân nhân của người tố cáo); trong đó: số người được áp dụng biện pháp bảo vệ vị trí công tác, việc làm; số người được áp dụng biện pháp bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm: Không có.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

(Chỉ áp dụng đối với Báo cáo chuyên đề về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; đối với báo cáo định kỳ thì nội dung này được thể hiện tổng hợp trong phần quản lý nhà nước tại Mẫu số 01: Đề cương về nội dung công tác thanh tra)

a) Sự lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo: Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đúng quy định pháp luật.

b) Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế, ban hành văn bản chỉ đạo điều hành và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật

- Số văn bản ban hành mới: 0 văn bản, sửa đổi bổ sung: không, hủy bỏ: 0 văn bản.

- Tập huấn tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (số lớp, số người): Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo do các cơ quan cấp trên tổ chức, chủ động thực hiện tốt công tác phối hợp với cơ quan Trung ương, với cơ quan, đoàn thể tại địa phương khi có yêu cầu.

c) Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm (tổng số cuộc, tổng số đơn vị được thanh tra, kiểm tra, số đơn vị có vi phạm), kiến nghị xử lý trách nhiệm (hành chính, chuyển cơ quan điều tra); đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý: Tổng số kết luận thực hiện, kết quả thực hiện (số tổ chức, cá nhân đã xử lý hành chính, khởi tố): Không có.

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

Việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; việc thực hiện các quy định, chỉ đạo của cấp trên; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn, tập huấn cho cán bộ, công chức và Nhân dân; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm; công tác xây dựng lực lượng; việc ứng dụng công nghệ thông tin và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đúng theo quy định Luật Tiếp công dân, Luật khiếu nại, Luật Tố cáo và các văn bản hướng dẫn thi hành. Sau khi tiếp công dân, tiếp nhận đơn thư, khiếu nại, tố cáo, cán bộ tiếp công dân có ghi chép đầy

đủ vào Sổ tiếp công dân, đồng thời nhập đầy đủ thông tin vào Hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại, tố cáo.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Nêu dự báo tình hình khiếu nại, tố cáo; những lĩnh vực, vấn đề, nội dung cụ thể có thể là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo trong thời gian tiếp theo: Không có.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG KỲ TIẾP THEO

- Tổ chức tiếp công dân thường xuyên và định kỳ đúng theo quy định; đồng thời tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền đúng theo quy định, không để đơn tồn đọng.

VI. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh chính sách, pháp luật là nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo và hoàn thiện pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo (nếu phát hiện có sơ hở, bất cập): Không.

C. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng:

Kịp thời cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch thực hiện công tác PCTN của cơ quan, đơn vị với nội dung đảm bảo có trọng tâm, trọng điểm, xác định rõ nội dung, yêu cầu, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp, thời gian thực hiện cụ thể.

Trong kỳ ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN: Xây dựng kế hoạch PCTN năm 2022²¹; Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác năm 2022²²; Kế hoạch phát động phong trào thi đua trong công tác nội chính và PCTN 2022²³; Kế hoạch số 2566/KH-SXD ngày 02/11/2022 về bổ sung nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng.

Trên cơ sở thực hiện tốt các quy định - Luật phòng chống tham nhũng, chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 05/8/2021 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020-2025 về công tác PCTN, lãng phí.... Sở Xây dựng đã tổ chức triển khai quán triệt đến tất cả cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị các chủ trương của Đảng, chính

²¹ Kế hoạch số 225/KH-SXD ngày 14/02/2022 của Sở Xây dựng về thực hiện công tác PCTN năm 2022.

²² Kế hoạch số 595/KH-SXD ngày 30/3/2022.

²³ Kế hoạch số 592/KH-SXD ngày 29/3/2022.

sách pháp luật của Nhà nước có liên quan đến việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

c) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp: Không.

d) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách):

Sở phân công Thanh tra Sở (đơn vị đầu mối) phối hợp Văn phòng Sở thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, báo cáo định kỳ về PCTN trong Ngành cho Thanh tra tỉnh, Thanh tra Bộ và Ban Nội chính Tỉnh ủy.

đ) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng qua các buổi họp giao ban, họp lệ của các đoàn thể, họp phòng, họp Chi bộ, Hội nghị và đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tiện nghiên cứu thực hiện..

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Tổ chức công khai, minh bạch trong mọi lĩnh vực hoạt động của cơ quan như: công khai minh bạch tại các cuộc họp, hội nghị, bằng hình thức niêm yết tại công sở, công khai bằng cách cung cấp thông tin trực tiếp, công bố trên trang website, cổng thông tin điện tử ... trong đó tập trung vào lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực như: đầu tư xây dựng cơ bản, quy hoạch, quản lý và sử dụng ngân sách Nhà nước, quản lý sử dụng tài sản công, thu chi tài chính, tuyển dụng đào tạo và bố trí cán bộ, công tác thanh tra, kiểm tra, tiếp công dân giải quyết khiếu nại, tố cáo.... cụ thể:

- Công khai trong công tác tổ chức cán bộ: việc nâng lương thường xuyên cho CCVC thuộc Sở, điều động, phân công công chức, viên chức.

- Công khai kế hoạch đầu tư, mua sắm.

- Công khai thu chi tài chính.

- Công khai các kết luận thanh tra, với hình thức công khai: qua họp công bố kết luận.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Tiếp tục thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan Nhà nước và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước. Cơ quan Sở Xây dựng thực hiện việc khoán kinh phí theo Quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch kinh phí chi thường xuyên hàng năm của UBND tỉnh

Kiên Giang. Đồng thời ban hành mới Quy chế²⁴ quản lý chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công cơ quan để thực hiện việc khoán gọn các chi phí chi tiêu thường xuyên của cơ quan như: điện thoại, văn phòng phẩm, chi tiêu xăng dầu,... trên tinh thần tiết kiệm, chống lãng phí và đảm bảo cho sự quản lý hành chính Nhà nước đối với việc thực thi chức năng nhiệm vụ của Ngành xây dựng có kết quả, đạt hiệu quả; bên cạnh đó nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho đơn vị trong việc chủ động sắp xếp bộ máy biên chế cũng như tự chủ về tài chính, qua đó đơn vị đã mạnh dạn mở rộng phạm vi hoạt động, mua sắm trang thiết bị, tăng nguồn thu, vừa thực hiện tốt các nhiệm vụ Nhà nước giao vừa đảm bảo ổn định đời sống người lao động.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

- Thực hiện tốt Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức, viên chức trong bộ máy chính quyền địa phương theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ và thực hiện Quy tắc đạo đức nghề nghiệp theo Công văn số 3613/BNV-TCPCP ngày 14/12/2007 của Bộ Nội vụ; Kế hoạch số 983A/KH-SXD ngày 10/7/2019 thực hiện Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định 1847/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án văn hóa công vụ; Công văn số 965/SXD-VP ngày 02/6/2020 về việc chấn chỉnh việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và thực hiện văn hóa công vụ. Cơ quan đã nghiêm túc công khai nội dung Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy chính quyền địa phương trước trụ sở làm việc của cơ quan.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn: Xây dựng Kế hoạch số 595/KH-SXD ngày 30/3/2022 của Sở Xây dựng về chuyển đổi vị trí công tác năm 2022. Trong năm 2022 chuyển đổi vị trí 01 công chức.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt

Trong năm 2022:

+ Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan: 55 thủ tục (Trong đó: Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị: 45 thủ tục).

+ Số lượng thủ tục hành chính đã được lược bỏ, sửa đổi, bổ sung: ban hành mới 03, bãi bỏ 01; sửa đổi 01.

+ Số lượng thủ tục hành chính đã được cải cách: không.

+ Kết quả thực hiện: Tổng số hồ sơ tiếp nhận qua cổng dịch vụ công trực tuyến và Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận 1052 hồ sơ; tổng số hồ sơ đã giải quyết: 937 hồ sơ, còn lại 115 hồ sơ đang tiếp tục giải quyết (trong đó: 02 hồ sơ rút lại, 16 hồ sơ trả lại).

²⁴ Quyết định số 07/QĐ-SXD ngày 22/01/2022.

Tiếp tục tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ và hướng dẫn của tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bằng Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh. Vận hành Cổng thông tin điện tử Sở Xây dựng đảm bảo yêu cầu về cung cấp thông tin theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân biết và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong việc gửi, trả kết quả đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng.

Tiếp tục thực hiện các kế hoạch²⁵ để thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, tổ chức triển khai thực hiện phương hướng nhiệm vụ công tác, công tác tổ chức, cán bộ, tiền lương, thi đua khen thưởng và các hoạt động khác năm 2022 của Sở Xây dựng.

Tiếp tục rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy Sở và các đơn vị trực thuộc Sở Xây dựng nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động phù hợp với yêu cầu thực tiễn của cơ quan, đơn vị và chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang và tiếp tục khai thác, sử dụng trang web cơ quan đảm bảo việc thực thi công tác cải cách hành chính có kết quả, đạt hiệu quả trong đơn vị. Tiếp tục thực hiện phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc của UBND tỉnh và thực hiện ứng dụng chữ ký số đối với văn bản hành chính gửi qua mạng.

Thực hiện nghiêm túc việc trả lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức hưởng lương từ ngân sách theo tinh thần Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Thực hiện theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng chống tham nhũng 2018. Cơ quan Sở Xây dựng đã thực hiện việc kê khai, công khai, minh bạch kê khai tài sản qua họp phòng đối với cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị, đồng thời báo cáo việc kê khai định kỳ hàng năm đúng quy định. Ban hành thông báo danh sách²⁶ cán bộ, công chức, viên chức người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập thuộc Sở thực hiện kê khai tài sản năm 2022 theo đúng quy định tại Nghị định 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Trong năm 2021 đã thực hiện kê khai, công khai²⁷ tài sản 20/20 người.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý: Không có.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

²⁵ Kế hoạch số 268/KH-SXD ngày 22/02/2022 về kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 2857/KH-SXD ngày 31/12/2021 về công tác cải cách hành chính năm 2022;

²⁶ Thông báo số 2905/TB-SXD ngày 29/11/2022.

²⁷ Quyết định số 11/QĐ-SXD ngày 22/02/2022.

- Kết quả phát hiện vi phạm, tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán:
Chưa phát hiện vi phạm.

- Kiến nghị xử lý vi phạm phát hiện qua hoạt động thanh tra, kiểm toán (Kiến nghị xử lý về: kinh tế, kiểm điểm rút kinh nghiệm, xử lý hành chính, hình sự và xử lý khác; sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ các cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành...): Không có.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị: Không có.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo: Không có.

d) Kết quả rà soát, phát hiện tham nhũng qua các hoạt động khác (nếu có): Trong kỳ báo cáo có 01 đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện (đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)).

đ) Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng trong phạm vi theo dõi, quản lý của bộ, ngành, địa phương: Không có.

e) Kết quả xử lý tài sản tham nhũng

- Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phát hiện được: Không có.

- Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng: Không có.

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính: Không có.

+ Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp: Không có.

f) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu

- Kết quả thực hiện quy định về trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.

- Kết quả áp dụng biện pháp tạm đình chỉ công tác, tạm thời chuyển sang vị trí khác: Không có.

- Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng: Không có.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

a) Các hoạt động đã thực hiện để quản lý công tác phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

b) Số lượng doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý: (gồm công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện): Không có.

c) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

- Kết quả xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, không tham nhũng: Không có.

- Kết quả xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm soát nội bộ: Không có.

- Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch, kiểm soát xung đột lợi ích, chế độ trách nhiệm của người đứng đầu: Không có.

- Kết quả phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

- Kết quả phát hiện, xử lý các hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước: Không có.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không.

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng: Không.

c) Kết quả việc bảo vệ, khen thưởng người có thành tích trong việc tố cáo về hành vi tham nhũng: Không.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo tinh thần Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ; có giải pháp phù hợp để nhân dân phản ánh, tố giác tham nhũng với cơ quan, đơn vị như: tổ chức tốt công tác tiếp công dân, mở hòm thư, lập đường dây nóng...

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

Trong năm 2022 phát hiện 01 trường hợp tham nhũng tại cơ quan đơn vị và địa phương thuộc quyền quản lý.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...)

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Sở Xây dựng luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện tốt công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí tại cơ quan, đơn vị. Ban hành đầy đủ, kịp thời các văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác PCTN; triển khai thực hiện tốt các giải pháp phòng ngừa tham nhũng tại cơ quan, đơn vị, nhất là công khai, minh bạch trong hoạt động, kê khai tài sản, thu nhập, tự kiểm tra trong nội bộ, chuyển đổi vị trí công tác,... Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế trong công tác triển khai, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng thực hiện còn đơn điệu, chủ yếu là tổ chức hội nghị triển khai văn bản hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử...

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, triển khai quán triệt các văn bản liên quan đến công tác PCTN nhất là Luật PCTN 2018, Nghị định 59/2019/NĐ-CP và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh trong công tác PCTN.

- Tiếp tục thực hiện kế hoạch công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022, Kế hoạch về việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng năm 2022; Kế hoạch số 1867/KH-SXD ngày 24/8/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch số 2566/KH-SXD ngày 02/11/2022 về bổ sung nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng nhất là công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập...theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

- Công chức Thanh tra của Sở tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 769/CT-TTCP ngày 17/5/2019 của Thanh tra Chính phủ về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính đối với công chức, viên chức ngành Thanh tra; Công văn số 1351/UBND-NCPC ngày 10/10/2019 của UBND tỉnh thực hiện Công văn số 934-CV/TU ngày 04/10/2019 của Tỉnh ủy về rà soát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị có chức năng phòng, chống tham nhũng; ngăn ngừa các hành vi nhũng nhiễu đối với người dân và doanh nghiệp trong thực hiện các thủ tục hành chính.

Trên đây là báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ kỳ tiếp theo của Sở Xây dựng Kiên Giang./.

sumb

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở Xây dựng;
- Lưu: VT, TTr.vthloan.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lưu Thanh Bình



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở xây dựng	1	1	0	1	0	1	1	117,332	0	117,332	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	1	0	1	0	1	1	117,332	0	117,332	0	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng Số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Sở Xây dựng	1	0	1	0	117,332	117,332	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	1	0	117,332	117,332	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

23. Ghi chú:

SỞ XÂY DỰNG

SỞ XÂY DỰNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN*(Số liệu quý IV năm 2022)**(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)*Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý							
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra	
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Xây dựng	1	1	0	1	0	1	1	117,332	0	117,332	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	1	0	1	0	1	1	117,332	0	117,332	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú: Kết thúc thanh tra đoàn Châu Thành và An Biên (đã ban hành Kết luận).

Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
18
0
0





Biểu số: 04/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyên cơ quan điều tra		
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ,	Đối tượng	
Ms	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra													
	Tổng số	Phân loại						Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Bằng tiền			Bằng hình thức khác																
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất																			Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17+18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32												
Sở Xây dựng	1	1	0	0	1	0	1	0	1	0	13	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												
Tổng	1	1	0	0	1	0	1	0	1	0	13	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0												

33. Ghi chú: Thành lập đoàn kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Phú Quốc (Kiểm tra 14 trường hợp, phát hiện 12 trường hợp vi phạm trật tự xây dựng, đã đề nghị địa phương xử lý theo quy định).

UBND TỈNH KIÊN GIANG

SỞ XÂY DỰNG

SỞ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Biểu số: 07/TTr

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	về ngân sách nhà nước	về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:



TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ												Vi phạm và kết quả xử lý					
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên , chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Sở Xây dựng Kiên Giang	4	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	4	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:

UBND TỈNH KIÊN GIANG

SỞ XÂY DỰNG

XÂY DỰNG

Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Xây dựng Kiên Giang	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

18. Ghi chú:



Biểu số: 03/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO
(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm							Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC		Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
						Số cuộc	Số đơn vị		Hành chính		Chuyên CQ			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
									Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Xây dựng Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

18. Ghi chú:

UBND TỈNH KIÊN GIANG

SỞ XÂY DỰNG



Biểu số: 01/TCĐ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Thủ trưởng tiếp								Ủy quyền tiếp									
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đông người			
															Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần
MS	1=4+13+22	2=5+14+23	3=6+7+15+ 16 +24 +25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Sở Xây dựng	1	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
Tổng	1	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

30. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến		Thuộc thẩm		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc						
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết			
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Sở Xây dựng	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0		
Tổng	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0		

18. Ghi chú: Trong kỳ tiếp nhận 02 đơn phản ánh không thuộc thẩm quyền gián tiếp qua đường bưu điện; 01 đơn phản ánh thuộc thẩm quyền nhận trực tiếp tại nơi tiếp công dân Sở Xây dựng.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tố cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Sở Xây dựng	3	0	0	0	0	3	0	3	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0
Tổng	3	0	0	0	0	3	0	3	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0

27. Ghi chú: Trong kỳ tiếp nhận 02 đơn phản ánh không thuộc thẩm quyền gián tiếp qua đường bưu điện; 01 đơn phản ánh thuộc thẩm quyền nhận trực tiếp tại nơi tiếp công dân Sở Xây dựng.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung							Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn độc giải quyết	
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	10=11+15+16+17= 18+...+22= 23+26	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26=27+28+29	27	28	29	30
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

31. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung										Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền					
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=1 3+18 +...+ 21=2 2+... +25= 26+2 9	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+2 8	27	28	29=3 0+31 +32	30	31	32	33	
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		

34. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn độc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+ 16=17+...+ 19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+23	22	23	24
Sở Xây dựng	3	0	0	0	0	3	0	3	0	3	1	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	0	0	0

25. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân						Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết	
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)														
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

28. Ghi chú:



Biểu số: 02/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
							Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

20. Ghi chú:



Biểu số: 03/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)						Chap nam thời hạn giải quyết			
	Tổng số	Kỳ trước chuyên sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết				Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Tổ cáo đúng	Trong đó tổ cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tổ cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng, có sai	Trong đó tổ cáo tiếp có, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định	
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không đo rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân			Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức									
													Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)																Đất (m ²)
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10= 24+26+28= 30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

32. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đã thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả								Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	19	20	21	22	23	24			
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

25. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu quý IV năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	0
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	0
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	0
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	55
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	45
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	0
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	<i>Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực</i>	Người	0
35.2	<i>Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập</i>	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư và xử lý đề nghị của cơ quan dân cư, đại biểu dân cư	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHƯNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
66.1	- Khiển trách	Người	0
66.2	- Cảnh cáo	Người	0
66.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
73	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
74	Đất đai	m ²	0

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHONG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Ghi chú:

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ XÂY DỰNG



Biểu số: 02/PCTN

DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ
(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Không có				

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ XÂY DỰNG



Biểu số: 03/PCTN

KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỎ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHŨNG^(*)
(Số liệu quý IV năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1	Không có						
Tổng số:							

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH

(Số liệu năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị tính: Hec-ta (triệu đồng), đát (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyên cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở xây dựng	3	1	2	3	0	3	3	260.619.	0	260.619.	0	0	0	5	5	0	0	0
Tổng	3	1	2	3	0	3	3	260.619.	0	260.619.	0	0	0	5	5	0	0	0

19. Ghi chú: Đoàn Trung tâm Kiểm định và dịch vụ xây dựng; Đoàn Châu Thành và Đoàn An Biên.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN THANH TRA HÀNH CHÍNH
(Số liệu năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Biểu số: 02/TT

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng), đất (m²)

Đơn vị	Kết luận thanh tra phải thực hiện		Tiến độ thực hiện kết luận		Thu hồi về ngân sách nhà nước				Xử lý khác về kinh tế				Xử lý hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				Hoàn thiện về cơ chế chính sách (số văn bản)	
	Tổng số	Trong đó số kết luận được kiểm tra trực tiếp	Số kết luận đã hoàn thành	Số kết luận chưa hoàn thành	Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tiền (Tr.đ)		Đất (m2)		Tổng số phải xử lý		Xử lý trong kỳ		Đã chuyển cơ quan điều tra		Khởi tố trong kỳ		Tổng số kiến nghị phải hoàn thiện	Số kiến nghị đã thực hiện xong
					Tổng số tiền phải thu	Số tiền đã thu trong kỳ	Tổng số đất phải thu	Số đất đã thu trong kỳ	Tổng Số tiền phải xử lý khác	Số tiền đã xử lý khác trong kỳ	Tổng số đất phải xử lý khác	Số đất đã xử lý khác trong kỳ	Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	Vụ	Đối tượng		
MS	1=3+4	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
Sở Xây dựng	3	0	3	0	260.619.	260.619.	0	0	0	0	0	0	5	5	5	5	0	0	0	0	0	0
Tổng	3	0	3	0	260.619.	260.619.	0	0	0	0	0	0	5	5	5	5	0	0	0	0	0	0

23. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Số liệu năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3+4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Xây dựng	2	1	1	2	0	2	2	260.619.	0	260.619.	0	0	0	5	5	0	0	0
Tổng	2	1	1	2	0	2	2	260.619.	0	260.619.	0	0	0	5	5	0	0	0

19. Ghi chú: Kết thúc thanh tra đoàn Châu Thành (đã ban hành Kết luận).

Đang tổng hợp báo cáo Đoàn thanh tra An Biên.



Biểu số: 04/TTr

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA TRONG LĨNH VỰC TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH
(Số liệu năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

(Số liệu năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Biểu số: 05/TTtr

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng); đất (m²)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra thực hiện trong kỳ					Đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra	Tổng vi phạm về kinh tế		Kiến nghị xử lý								
	Tổng số	Phân loại						Tiền và tài sản quy thành tiền	Đất (m ²)	Thu hồi về NSNN		Xử lý khác về kinh tế		Hành chính		Chuyển cơ quan điều		Hoàn thiện cơ chế, chính sách (số văn bản)
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Theo Kế hoạch	Đột xuất					Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
Ms	1=2+3=4+5	2	3	4	5	6	7	8=10+12	9=11+13	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

19. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH
(Số liệu năm 2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Biểu số: 06/TTr

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm			Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)			số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính						Chuyển cơ quan điều tra	
	Tổng số	Phân loại						Thanh tra	Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Bằng tiền			Bằng hình thức khác				
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch	Đột xuất																			Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức
MS	1=2+3+4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17+18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32
Sở Xây dựng	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	13	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	1	0	1	0	1	0	1	0	1	0	13	12	1	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

33. Ghi chú: Thành lập đoàn kiểm tra hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Phú Quốc (đang triển khai).

UBND TỈNH KIÊN GIANG

SỞ XÂY DỰNG

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN, QUYẾT ĐỊNH XỬ PHẠT QUA THANH TRA, KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH
(Số liệu năm 2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Biểu số: 07/TTr

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế (Tr.đ)						Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính						Đã khởi tố		Ghi chú
	Số tiền vi phạm đã thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)			Số tiền vi phạm đã xử lý khác			Số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu (Tr.đ)			Số tổ chức, cá nhân đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức khác					
	Tổng số	về ngân sách nhà nước	về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Tổ chức	Cá nhận	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng	
MS	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10=11+12	11	12	13	14	15
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:



Biểu số: 01/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG THANH TRA
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị tính: Người

Đơn vị	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Số lượng biến động trong kỳ		Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ												Vi phạm và kết quả xử lý					
	Tổng số	Trong đó				Tăng	Giảm		Tổng số		Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm		Đã xử lý		Đang và chưa xử lý	
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác				Nhu cầu	Đã thực hiện	Thanh tra viên		Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC		Khác		Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự	Hành chính	Hình sự
											Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện						
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Sở Xây dựng Kiên Giang	6	0	2	4	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	6	0	2	4	0	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

27. Ghi chú:



Biểu số: 02/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA, TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC, PCTN		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, TCD, KN, TC và PCTN							Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản bãi bỏ	Lớp	Người	Tổng số cuộc	số cuộc đã ban hành kết luận	Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra	Kiến nghị xử lý hành chính		Kiến nghị chuyển cơ quan điều tra		Tổng số kết luận phải thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
									Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng		Tổ chức	Cá nhân	Vụ	Đối tượng
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Xây dựng Kiên Giang	5	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0
Tổng	5	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	0	0	0	0

18. Ghi chú:



Biểu số: 03/QLNN

TỔNG HỢP CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TIẾP CÔNG DÂN, KHIẾU NẠI, TỔ CÁO
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022)

Đơn vị	Ban hành văn bản quản lý, chỉ đạo (Bộ, ngành, tỉnh, TP) về công tác TCD, KN, TC			Tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về TCD, KN, TC		Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm							Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử lý về thanh tra trách nhiệm				
	Số văn bản ban hành mới	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung	Số văn bản hủy bỏ	Số lớp	Số người	Thực hiện pháp luật về TCD, KN, TC		Số cuộc đã ban hành kết luận	Kiến nghị xử lý				Tổng số KLTT thực hiện	Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố	
						Số cuộc	Số đơn vị		Hành chính		Chuyển CQ			Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân
									Tổ chức	Cá nhân	Tổ chức	Cá nhân					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Sở Xây dựng Kiên Giang	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

18. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ TIẾP CÔNG DÂN THƯỜNG XUYÊN, ĐỊNH KỲ VÀ ĐỘT XUẤT
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số lượt tiếp	Tổng số người được tiếp	Tổng số vụ việc tiếp	Tiếp thường xuyên								Tiếp định kỳ và đột xuất của Thủ trưởng																	
				Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đồng người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Số vụ việc		Trong đó đoàn đồng người				Số kỳ tiếp	Số lượt tiếp	Số người được tiếp	Ủy quyền tiếp		Trong đó đoàn đồng người			
						Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần				Số đoàn được tiếp	Số người được tiếp	Tiếp lần đầu	Tiếp nhiều lần		
MS	1=4+1 3+22	2=5+14+ 23	3=6+7+1 5+ 16 + 24 +25	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
Sở Xây dựng	3	3	0	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	3	3	0	3	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

30. Ghi chú:



Biểu số: 02/TCD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú
			Khiếu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền		Không thuộc thẩm quyền							
			Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	Số vụ việc	Số đơn	số vụ việc	số đơn	Số vụ việc						
												Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết			
MS	1=3+5+7=9+11	2=4+6+8=10+12	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Sở Xây dựng	, 1	2	0	0	0	0	1	2	1	0	, 0	2	2	0	0	, 0		
Tổng	1	2	0	0	0	0	1	2	1	0	0	2	2	0	0	0		

18. Ghi chú: Tiếp 03 lượt công dân đến (trong đó 02 vụ đều không thuộc thẩm quyền, đã hướng dẫn trực tiếp đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; 01 vụ ban hành văn bản trả lời công dân).



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang			Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung			Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn								Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác		Số đơn	Số vụ việc	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Đơn thuộc thẩm quyền				Đơn không thuộc thẩm quyền				
														Lần đầu	Nhiều lần			Tổng số	Khiếu nại	Tổ cáo	Kiến nghị, phản ánh	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết	
MS	1=2+3+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9=11+12+13 =14+15+16+17 =18+22	10	11	12	13	14	15	16	17	18 = 19+20+21 1	19	20	21	22 = 23+24+25	23	24	25	26
Sở Xây dựng	63	0	0	0	0	63	0	63	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0
Tổng	63	0	0	0	0	63	0	63	1	0	0	0	1	0	0	0	1	1	0	0	1	0	0	0	0	0

27. Ghi chú: Trong kỳ, tiếp nhận 62 đơn không thuộc thẩm quyền qua đường bưu điện (đã thực hiện lưu đơn) và tiếp nhận 01 đơn phản ánh tại nơi tiếp công dân.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết					Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính				Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết			Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
											Tổng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Khác				Lần đầu	Lần 2	Đã có bản án của tòa			Tổng	Lần đầu	Lần 2	Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11+15+16+17=	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24+25	24	25	26 = 27+	27	28	29	30
									18+...+22=																					
									23+26																					
Sở Xây dựng	40	0	0	0	40	40	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	40	0	0	0	40	40	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

31. Ghi chú: 40 đơn không thuộc thẩm quyền nhận qua đường bưu điện, đã thực hiện lưu đơn.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO
(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)
(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đơn đã xử lý			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý							Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Lĩnh vực hành chính					Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền				
													Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ	Khác							Quá thời hạn chưa giải quyết	Đã có kết luận giải quyết	Tổng số	Tố cáo lần đầu	Tố cáo tiếp	Tổng số	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+1 8+...+21= 22+...+25=26+29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30+ 31+32	30	31	32	33
Sở Xây dựng	2	0	0	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

34. Ghi chú: 02 đơn tố cáo không thuộc thẩm quyền nhận qua đường bưu điện.



Biểu số: 04/XLD

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung				Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý			Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số đơn	Số vụ việc	Chế độ, chính sách	Đất đai	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền			
																					Tổng số	Chuyển đơn		Đơn độc giải quyết
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8=9+10	9	10	11	12=13+...+ 16=17+...+ 19=20+21	13	14	15	16	17	18	19	20	21=22+23	22	23	24
Sở Xây dựng	21	0	0	0	0	21	0	21	0	21	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

25. Ghi chú: 20 đơn phản ánh không thuộc thẩm quyền nhận qua đường bưu điện, đã thực hiện lưu đơn và 01 đơn phản ánh thuộc thẩm quyền ban hành văn bản trả lời công dân.



TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THUỘC THẨM QUYỀN

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền	Kết quả giải quyết														Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)							
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ		Đã giải quyết		Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra			Giải quyết lần đầu			Giải quyết lần 2		Chấp hành thời hạn giải quyết			
					Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính	Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Tổng số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Tổng số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Khiếu nại đúng	Khiếu nại sai	Khiếu nại đúng một phần	Công nhận QĐ g/q lần đầu	Hủy, sửa QĐ g/q lần đầu	Đúng quy định	Không đúng quy định
									Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)														
MS	1=2+3	2	3	4	5=20+...+24	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

28. Ghi chú:

UBND TỈNH KIÊN GIANG

SỞ XÂY DỰNG



Biểu số: 02/KQGQ

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ	Số quyết định đã thực hiện xong	Thu hồi cho nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân								Đã xử lý hành chính		Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số người bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số người	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
			Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Cá nhân		Tổ chức		Cá nhân						
							Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)					
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

20. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT TỐ CÁO THUỘC THẨM QUYỀN

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền			Tổng số vụ việc tố cáo thuộc thẩm quyền	Trong đó số vụ việc tố cáo tiếp	Kết quả giải quyết																Phân tích kết quả giải quyết (vụ việc)								Chức năng thời hạn giải quyết	
	Tổng số	Kỳ trước chuyển sang	Tiếp nhận trong kỳ			Đã giải quyết					Kiến nghị thu hồi cho NN		Trả lại cho tổ chức, cá nhân				Số tổ chức được trả lại quyền lợi	Số cá nhân được trả lại quyền lợi	Kiến nghị xử lý hành chính		Chuyển cơ quan điều tra		Tổ cáo đúng	Trong đó tố cáo tiếp đúng	Tổ cáo sai	Trong đó tố cáo tiếp sai	Tổ cáo có đúng, có sai	Trong đó tố cáo tiếp có, có sai	Đúng quy định	Không đúng quy định	
						Tổng số	Số vụ việc lần đầu	Số vụ việc tố cáo tiếp	Số vụ việc rút toàn bộ nội dung tố cáo	Số vụ việc đình chỉ không đo rút tố cáo	Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tổ chức		Cá nhân				Số người bị kiến nghị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng									Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức
													Tiền (Trđ)	Đất (m²)	Tiền (Trđ)	Đất (m²)															
MS	1=2+3	2	3	4	5	6=7+...+10=24+26+28=30+31	7	8=25+27+29	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

32. Ghi chú:



TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN NỘI DUNG TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng Kiên Giang)

Đơn vị	Tổng số kết luận phải thực hiện	Số kết luận đi thực hiện xong	Thu hồi cho Nhà nước				Trả lại cho tổ chức, cá nhân												Đã xử lý hành chính			Đã khởi tố		
			Phải thu		Đã thu		Phải trả				Đã trả				Tổng số tổ chức bị xử lý	Tổng số cá nhân bị xử lý	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức	Số vụ	Số đối tượng	Trong đó số cán bộ, công chức, viên chức				
Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Số tổ chức phải được trả lại quyền lợi	Số cá nhân phải được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân		Số tổ chức đã được trả lại quyền lợi	Số cá nhân đã được trả lại quyền lợi	Tổ chức		Cá nhân										
Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)			Tiền (Trđ)	Đất (m ²)	Tiền (Trđ)	Đất (m ²)									
MS	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Sở Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

25. Ghi chú:

UBND TỈNH KIÊN GIANG
SỞ XÂY DỰNG

Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng)

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	4
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	0
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	0
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	0
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	1
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	1
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	0
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	0
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	0
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	0
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	0
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	0
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	55
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	45
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	0
28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	0
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	0
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (1)	Triệu đồng	0
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	0
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	20
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	0
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	0
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	0
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	0
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	0
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	0
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	0
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	0
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	0
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	0
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	0
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	0
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	0
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	0
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	0
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	0
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	0
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	0
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	0
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	0
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	0
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	1
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	0
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	0
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	0
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	0
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	0
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	0
	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỂ XẢY RA THAM NHƯNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
66.1	- Khiển trách	Người	0
66.2	- Cảnh cáo	Người	0
66.3	- Cách chức	Người	0
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	0
68.1	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng	Người	0
68.2	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng	Người	0
68.3	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng	Người	0
68.4	- Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng	Người	0
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	1
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
73	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
74	Đất đai	m ²	0



MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
75	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
75.1	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính	Triệu	0
75.2	- Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp	Triệu	0
76	Đất đai	m ²	0
76.1	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính	m ²	0
76.2	- Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
77	Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
78	Đất đai	m ²	0
	PHONG, CHỐNG THAM NHŨNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	0
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	0
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	0
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	0
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	0
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0

Ghi chú:



DANH SÁCH CÁC VỤ THAM NHŨNG ĐƯỢC PHÁT HIỆN TRONG KỲ

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng)

TT	Tên vụ	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị xảy ra sự việc	Cơ quan thụ lý, giải quyết vụ việc	Tóm tắt nội dung vụ việc	Ghi chú
1	Trường hợp công chức thuộc Sở Xây dựng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kiên Giang tạm giữ	Sở Xây dựng Kiên Giang	Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Kiên Giang	Sáng ngày 05/01/2022 (khoảng 10 giờ), đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra (phòng Cảnh sát Kinh tế) – Công an tỉnh có đến Sở Xây dựng làm việc, triển khai thông báo về việc bắt người phạm tội quả tang và đọc lệnh khám xét khẩn cấp nơi làm việc đối với ông Lê Quyết Tiến, Chuyên viên phòng Quản lý xây dựng thuộc Sở Xây dựng để phục vụ điều tra về hành vi nhận hối lộ	Đang điều tra chưa có kết quả

Ghi chú:



KẾT QUẢ PHÁT HIỆN, KHẮC PHỤC CÁC VĂN BẢN CÒN SƠ HỎ, DỄ BỊ LỢI DỤNG ĐỂ THAM NHƯỜNG^(*)

(Số liệu tính từ ngày 15/12/2021 đến ngày 09/12/2022)

(Kèm theo Báo cáo số 3002/BC-SXD ngày 09/12/2022 của Sở Xây dựng)

TT	Tên, số, ngày, tháng, năm	Cơ quan ban hành văn bản	Nội dung sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng	Kết quả khắc phục			Ghi chú
				Đã được khắc phục theo thẩm quyền	Chưa khắc phục xong	Nguyên nhân của việc chưa khắc phục xong	
MS	1	2	3	4	5	6	7
1							
Tổng số:							

Ghi chú: Sở Xây dựng chưa phát hiện các văn bản còn sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng.